CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn PC1

Ngày 30/09/2025	25,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.6%	**17.7%**	**13.3%**

DT thuần
Q3/25
3,278
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 343| 11.7%
YoY: ▲ 1,046| 46.9%

LN thuần
Q3/25
447
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 241| 117%
YoY: ▲ 155| 53.2%

LN sau thuế
Q3/25
394
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 229| 139%
YoY: ▲ 135| 52.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
18.9%
YoY: +/-▲ 6.3%

ROE (TTM)
Q3/25
7.0%
YoY: +/-▲ 1.5%

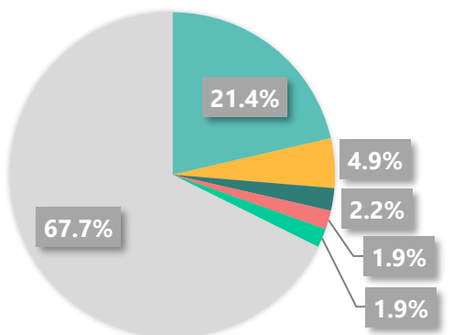
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	18,450 - 31,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,156
Số lượng CPLH (CP)	357,642,121
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,638,205
Sở hữu nước ngoài	12.1%
Beta	1.13
EPS	1,564
P/E	16.4

DT thuần
9T 2025
8,073
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 535| 7.1%

LN thuần
9T 2025
818
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 146| 21.6%

LN sau thuế
9T 2025
704
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 126| 21.9%

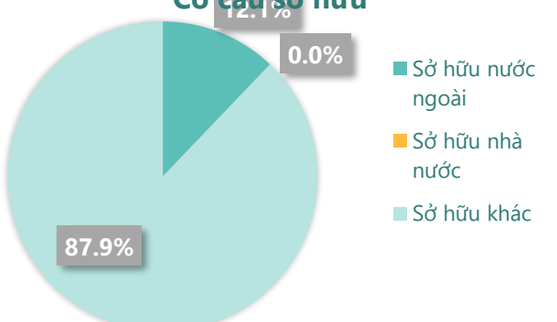
Cơ cấu cổ đông



- Trịnh Văn Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Chứng khoán VIX
- Phan Ngọc Hiếu (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Võ Hồng Quang (Thành viên HĐQT)
- Lê Thị Thoi
- Khác

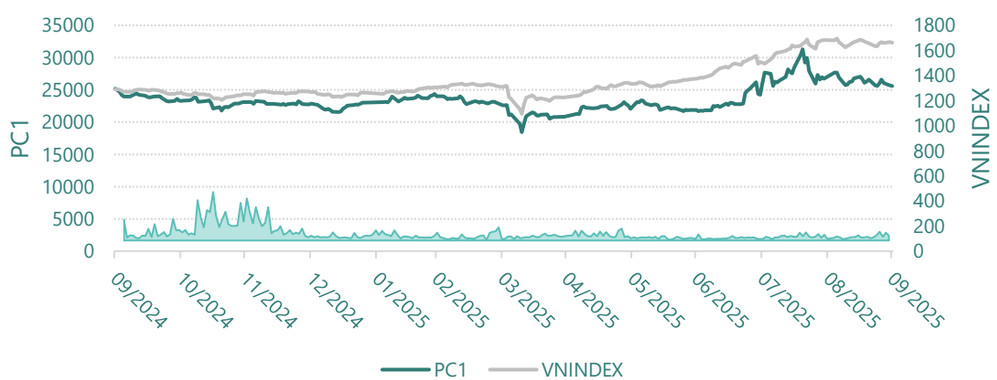
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



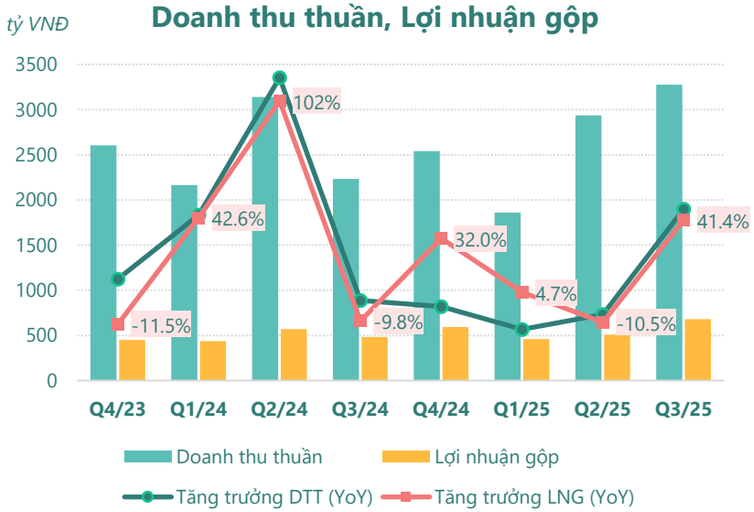
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



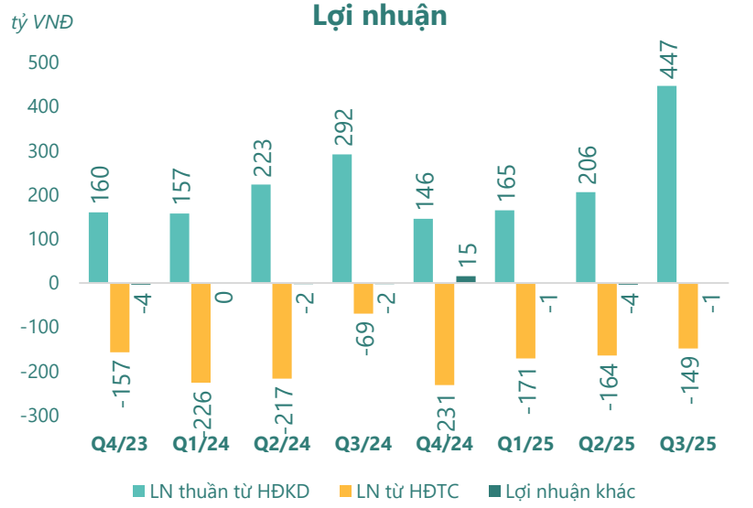
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



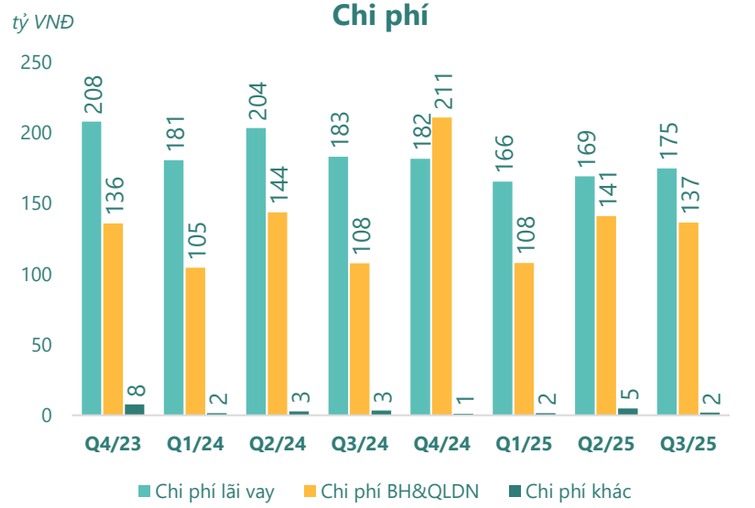
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



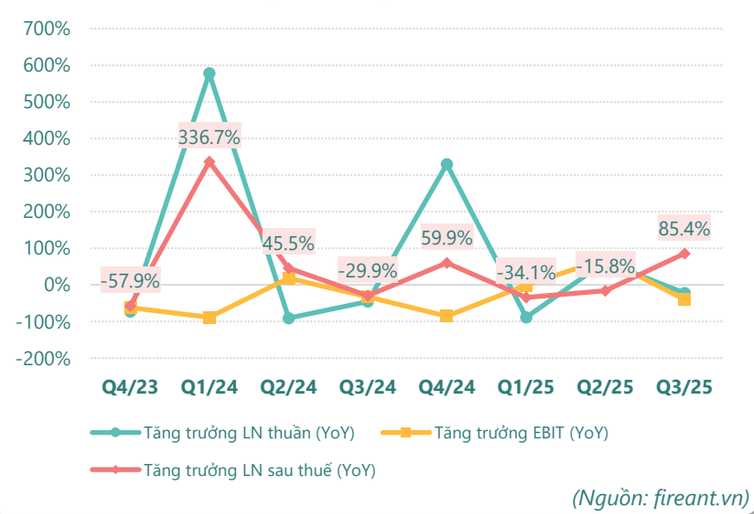
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



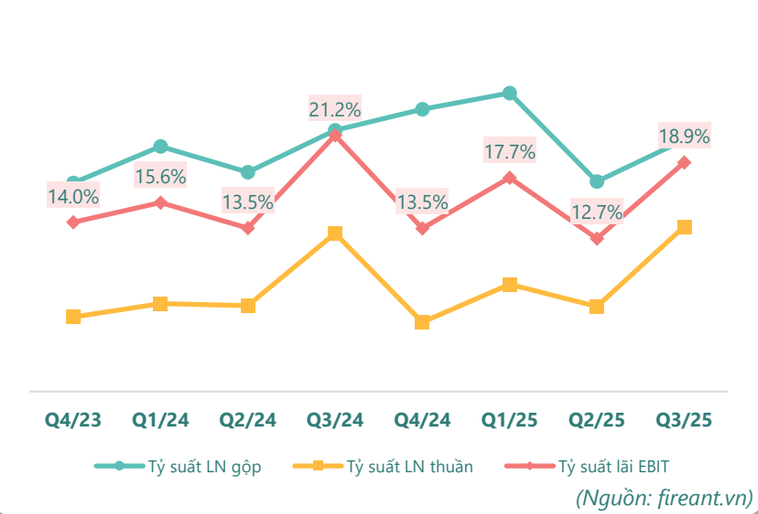
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



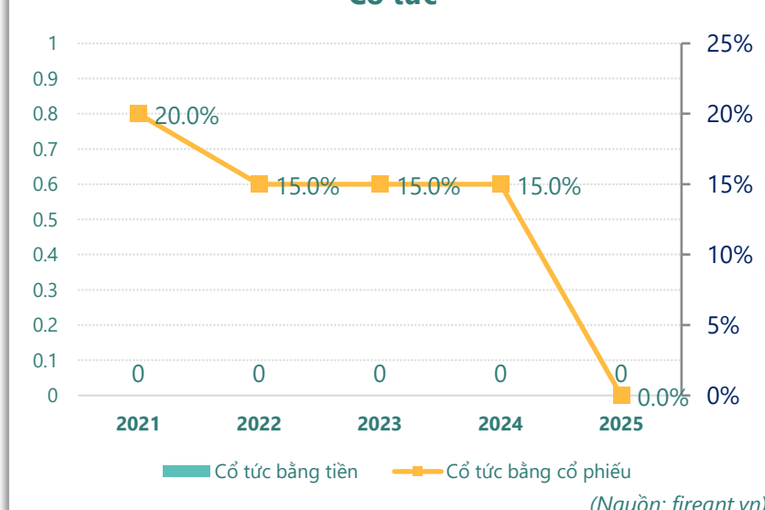
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

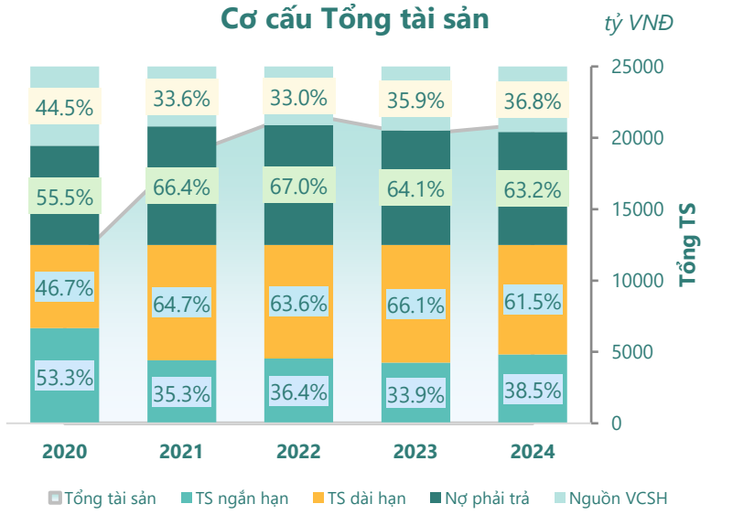
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

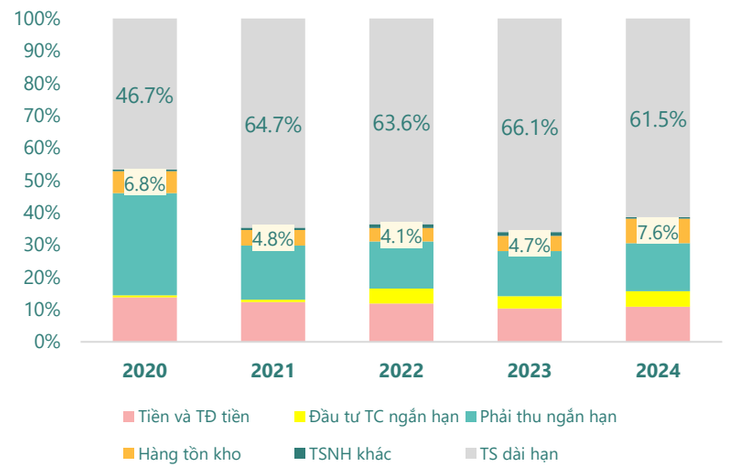
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



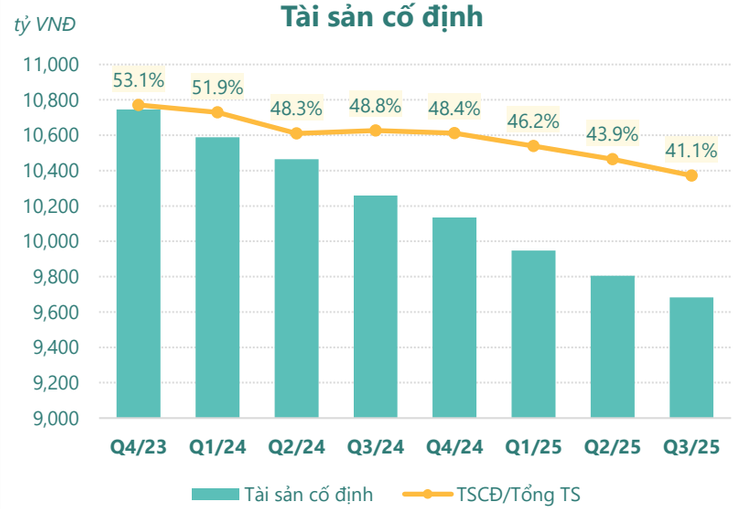
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



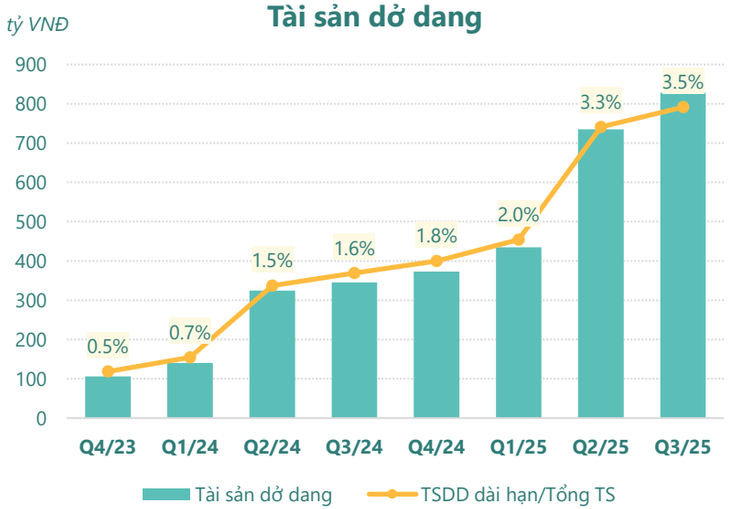
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



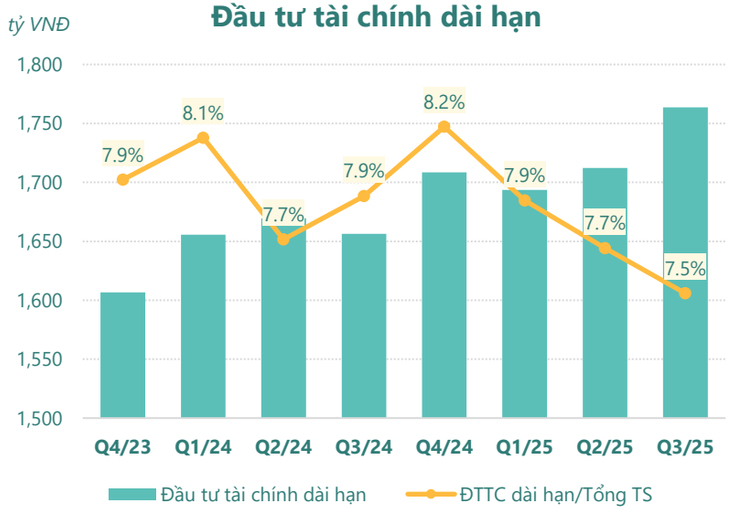
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



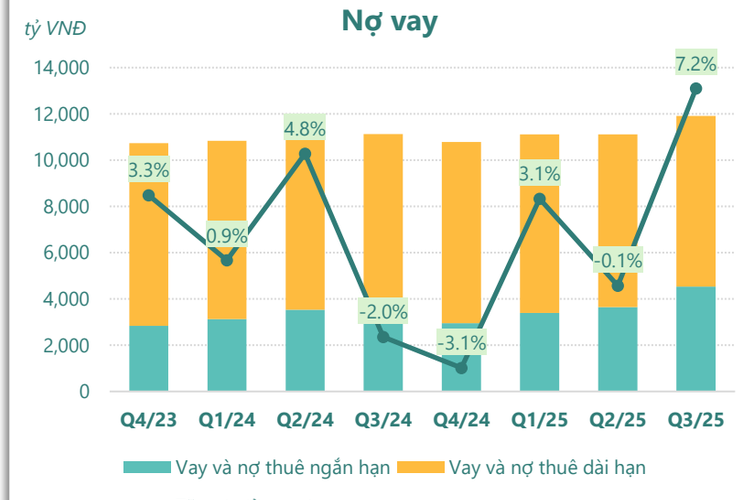
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

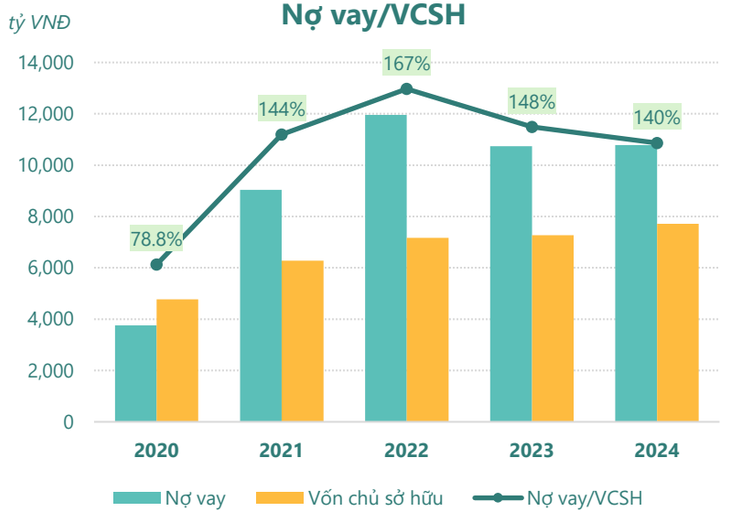
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

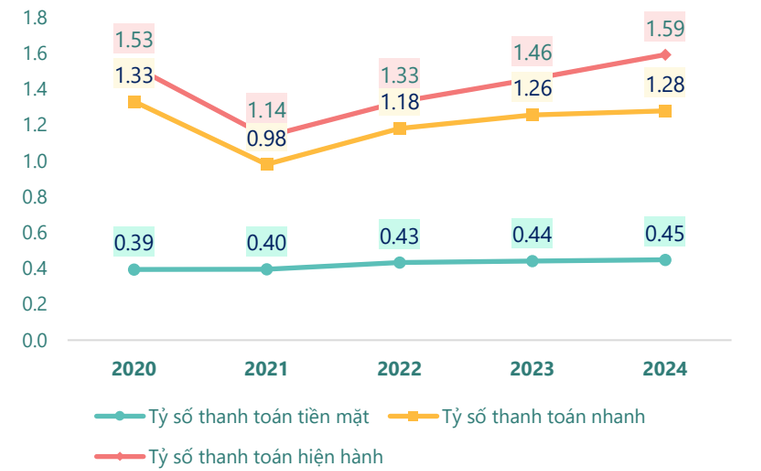
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



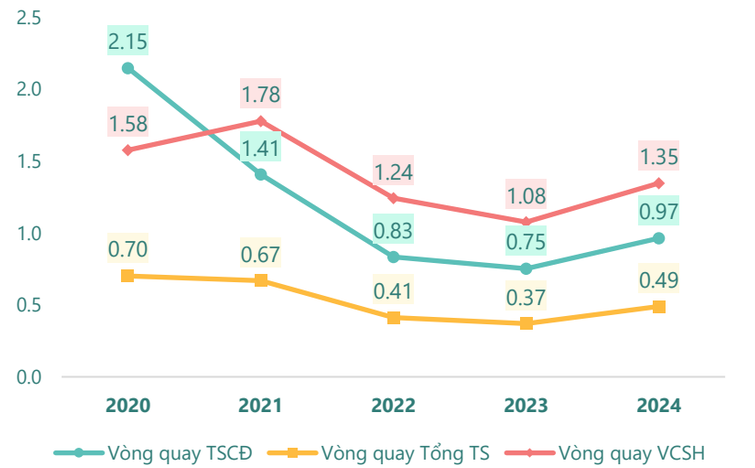
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



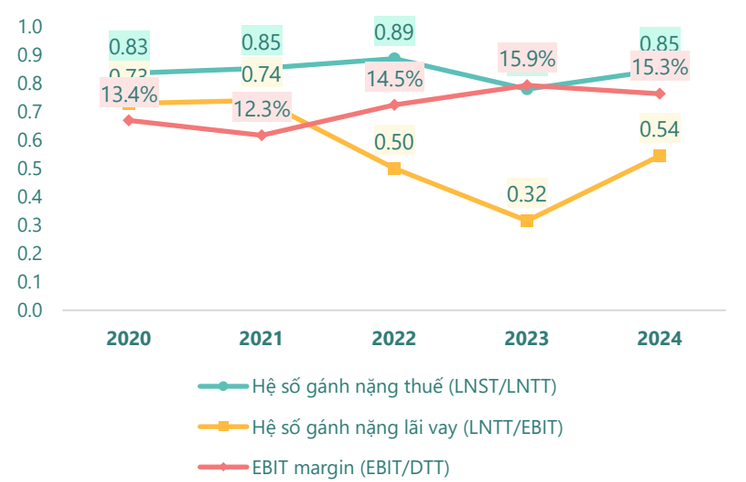
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



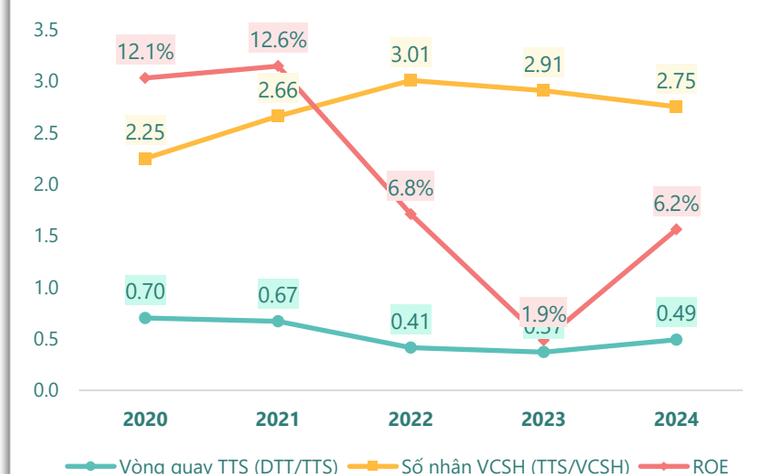
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



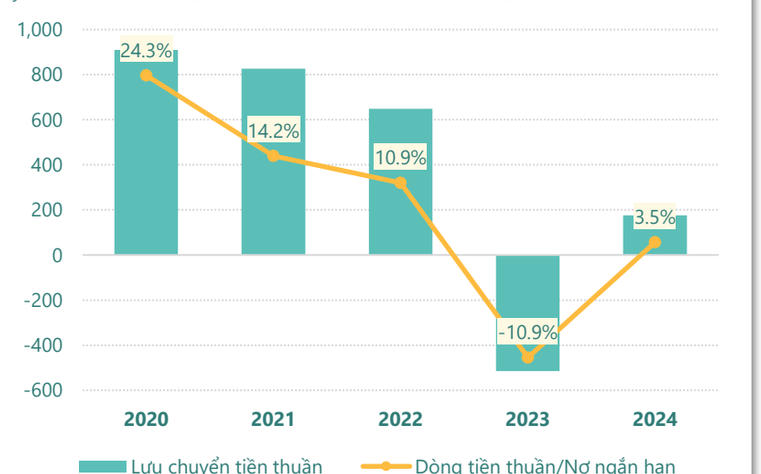
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,278**	**2,232**	**46.9%**	**8,073**	**7,538**	**7.1%**
Giá vốn hàng bán	2,597	1,750	48.4%	6,423	6,048	6.2%
Lợi nhuận gộp	682	482	41.4%	1,650	1,490	10.7%
Doanh thu HĐTC	53.3	28.8	85.2%	153	123	24.6%
Chi phí TC	202	98.2	106%	637	635	0.3%
Chi phí lãi vay	175	183	-4.4%	510	567	-10.1%
LN trong công ty LKLD	**50.9**	**-13.0**	**491%**	**37.5**	**50.5**	**-25.8%**
Chi phí bán hàng	30.0	16.4	82.8%	71.6	52.4	36.7%
Chi phí QLDN	**107**	**91.3**	**16.7%**	**314**	**304**	**3.4%**
LN thuần từ HĐKD	447	292	53.2%	818	672	21.6%
Lợi nhuận khác	**-1.30**	**-2.45**	**46.8%**	**-6.74**	**-4.82**	**-39.9%**
LN trước thuế	446	290	53.8%	811	668	21.5%
Lợi nhuận sau thuế	**394**	**259**	**52.3%**	**704**	**578**	**21.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**301**	**160**	**88.0%**	**498**	**399**	**24.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	356	-29.1	888	9.61	267	554
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-294	263	-315	-17.4	-347	-90.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	383	-132	-509	284	-123	844
Tiền đầu kỳ	1,563	1,999	2,095	2,277	2,554	2,357
Lưu chuyển tiền thuần	**445**	**102**	**63.5**	**276**	**-202**	**1,308**
Ảnh hưởng tỷ giá	-9.29	-6.08	19.2	0.92	4.95	3.79
Tiền cuối kỳ	1,999	2,095	2,177	2,554	2,357	3,669

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**23,534**	**20,988**	**12.1%**
Tài sản ngắn hạn	10,589	8,086	31.0%
Tiền và tương đương tiền	3,669	2,277	61.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,051	1,017	3.4%
Phải thu ngắn hạn	3,547	3,112	14.0%
Hàng tồn kho	2,178	1,588	37.2%
Tài sản ngắn hạn khác	145	92.3	57.1%
Tài sản dài hạn	**12,945**	**12,902**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	24.7	32.8	-24.8%
Tài sản cố định	9,683	10,147	-4.6%
Bất động sản đầu tư	98.4	112	-12.2%
Tài sản dở dang	828	373	122%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,764	1,709	3.2%
Tài sản dài hạn khác	**393**	**347**	**13.1%**
Lợi thế thương mại	155	181	-14.5%
Nợ phải trả	15,184	13,272	14.4%
Nợ ngắn hạn	**7,419**	**5,078**	**46.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,533	2,950	53.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	969	1,121	-13.6%
Nợ dài hạn	7,765	8,193	-5.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	7,380	7,831	-5.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,350**	**7,716**	**8.2%**
Vốn chủ sở hữu	**8,350**	**7,716**	**8.2%**
Vốn điều lệ	3,576	3,576	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)